TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG A** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:48a/2023/DSST
Ngày: 13/7/2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân**.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai.
Ông Nguyễn Duy May.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thu Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông A, Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sự thụ lý số 43/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 06 năm 2023 về việc *Tranh chấp hợp đồng mua bán* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-KDTM ngày 30 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Chi Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV.

Địa chỉ: Đội 4, Thôn B, xã Kim C, huyện Đông A, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành C, sinh năm 1982 - Giám đốc Công ty.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1963 (Chồng bà M).

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Chi Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M: Luật sư Hoàng Văn H1 – Công ty luật A– Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà M, Ông C, Ông H, Luật sư H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà có đăng ký kinh doanh, cụ thể là: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M, mã số thuế: 801589002, số tài khoản: 101000326027 tại Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh KCN Quang M, do bà làm chủ hộ.

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV, có địa chỉ tại: Đội 4, Thôn B, xã Kim C, huyện Đông A, Hà Nội, do ông Lê Thành C, sinh năm 1982 làm Giám đốc.

Ngày 01/6/2013, Hộ kinh doanh của bà và Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV có ký Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT/BMV và ngày 01/6/2014 ký Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/BMV về việc mua bán hàng hóa. Theo đó, bà cung cho bếp ăn bên Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV các mặt hàng như: gạo, đỗ, lạc, hàng tạp hóa, hàng khô các loại,… Hai bên thỏa thuận các điều khoản về giao và nhận hàng, phương thức thanh toán đầy đủ trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên không có gì vướng mắc. Việc cung cấp hàng hóa cũng như việc nhận hàng hóa theo đúng thời gian, địa điểm, cũng như số lượng đã được đặt theo đơn đều thuận lợi. Nhưng đến tháng 10/2014, hộ kinh doanh Nguyễn Thị M không cung cấp hàng tại căn tin bếp ăn của công ty BMV nữa với lý do: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV hết hạn hợp đồng nấu ăn tại Công ty Long P. Đến ngày 20/10/2014, Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV và Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M đã lập biên bản chốt công nợ, hai bên đã thống nhất như sau: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV còn nợ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M số tiền là 733.263.000 đồng (Bảy trăm ba mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2017, Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV đã trả cho bà 4 lần với tổng số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Từ tháng 12/2017 đến nay, bà liên tục gọi điện thoại để yêu cầu Công ty trả tiền nhưng Ông C không nghe máy, nhắn tin cũng không thấy trả lời. Đầu năm 2023, bà có đến nhà riêng của Ông C để gặp trực tiếp cũng không gặp được. Bà đã gặp và nói chuyện về sự việc với bố mẹ Ông C và nhờ nhắn hộ cũng không thấy hồi âm. Bà nhận thấy Ông C đang cố tình không trả bà số tiền còn nợ là 483.263.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong hợp đồng kinh tế, làm ảnh hưởng rất lớn đến nguồn tài chính đối với việc kinh doanh của gia đình bà. Vì vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A giải quyết: Buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 483.263.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử với mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng 1,19%/tháng, tổng số tiền lãi là 584.859.380. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.068.122.380 đồng.

**** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Lê Thành C trình bày:*** Ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV. Về cơ sở pháp lý hiện Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV vẫn đang tồn tại. Từ năm 2013, Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV có ký các hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa với Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M. Cụ thể là bà Nguyễn Thị M cung cấp các loại lương thực, thực phẩm cho bếp ăn của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV. Việc mua bán hàng hóa giữa hai bên diễn ra từ nhiều năm, trước đây Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV trả nợ đầy đủ cho bà M. Sau đó, do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị M từ năm 2014. Hai bên đã chốt công nợ với nhau, sau đó Công ty có 01 số lần trả nợ như bà M trình bày. Ông nhất trí về số nợ gốc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV

còn nợ bà M là 483.263.000 đồng và lãi như bà M tính. Nay bà M khởi kiện ông đề nghị bà M miễn toàn bộ lãi cho Công ty, còn số nợ gốc Công ty xin trả nợ dần trong vòng 02 năm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Nguyễn Quang H nhất trí với quan điểm của bà Nguyễn Thị M.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn có quan điểm: Nếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV trả nợ ngay cho bà toàn bộ số tiền gốc thì bà tự nguyện không yêu cầu tiền lãi. Vì Công ty không đưa được ra phương án trả nợ khả thi nên bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A giải quyết: Buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 483.263.000 và tiền lãi là 584.859.380. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.068.122.380 đồng.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn có quan điểm: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV nhất trí về số nợ gốc và lãi như bà M tính, không tranh chấp gì. Do hiện nay Công ty không có nguồn thu nào, hoạt động kinh doanh ngừng trệ nên đề nghị được rả nợ gốc dần, còn tiền lãi đề nghị bà M miễn cho Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Hai bên đều thống nhất số tiền còn nợ, không tranh chấp gì, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng mua bán đối với Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV. Buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.068.122.380 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về thẩm quyền: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV có trụ sở hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Đội 4, Thôn B, xã Kim C, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

{2} Về thời hiệu khởi kiện: Theo tài liệu các bên cung cấp thì ngày trả nợ cuối cùng của bị đơn là tháng 11 năm 2017, do đó sau thời điểm này được tính là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Điều 319 Luật thương mại quy định về thời hiệu khởi kiện như sau: "Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật

này". Đến ngày 20/4/2023 nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án nhận được đơn ngày 26/4/2023 là đã hơn 05 năm kể từ ngày bị đơn trả nợ cuối cùng, nhưng trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

{3} Về quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

{4} Về nội dung:

{4.1} Xét về hình thức hợp đồng:

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M (Có đăng ký hộ kinh doanh, bà M là chủ hộ) và Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV có đầy đủ tư cách pháp nhân, tham gia giao kết Hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký. Từ năm 2013 hai bên đã nhiều lần ký kết các hợp đồng kinh tế với nhau. Việc ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong các Hợp đồng kinh tế không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, việc hai bên ký Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT/BMV ngày 01/6/2013 và Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/BMV ngày 01/6/2014 về việc mua bán hàng hóa là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật thương mại.

{4.2}. Về nội dung của hợp đồng:

Đối với Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT/BMV ngày 01/6/2013 và Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/BMV ngày 01/6/2014 về việc mua bán hàng hóa, thì bà Nguyễn Thị M và Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV không có tranh chấp gì và đều thừa nhận về các điều khoản của hợp đồng, cũng như giá trị số hàng hóa các bên cung cấp cho nhau.

Ngày 22/01/2015, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ, chốt lại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV còn nợ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M số tiền là 733.263.000 đồng. Sau đó, từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2017, Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV đã trả cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M 4 lần với tổng số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), lần trả nợ cuối cùng là tháng 11/2017. Hiện số tiền còn nợ là 483.263.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/01/2015 và sau đó các bên thừa nhận bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền 04 lần, thì tính đến tháng 11 năm 2017 Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV còn nợ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M số tiền là: 483.263.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Do vậy, yêu cầu buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải thanh toán số tiền nợ gốc 483.263.000 đồng của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ và được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Ngày trả nợ cuối cùng của bị đơn là tháng 11 năm 2017, do đó sau thời điểm này được tính là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Theo đó, căn cứ trên mức lãi suất cho vay trung, dài hạn:

+ Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng N áp dụng là: 10,5% x 150% = 15,75%/năm.

+ Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần C áp dụng là: 10,5% x 140% = 14,7%/năm.

+ Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 áp dụng là: 10% x 130% = 13%/năm.

Như vậy mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán bằng 14,5%/năm.

Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu mức lãi suất 1,19%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật (Có bảng kê tính lãi lưu hồ sơ).

Như vậy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/7/2023) gồm các khoản:

- Nợ gốc: 483.263.000 đồng.
- Nợ lãi là: 584.859.380 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.068.122.380 đồng (Một tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

{5} Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

{6} Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 24, Điều 4, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; Bộ luật Dân sự.

- Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M tổng số tiền là: 1.068.122.380 đồng (Một tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

3. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải chịu 44.044.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị M được nhận lại 21.703.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, bẩy trăm linh ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006883 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông A.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Đông A.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG A** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2023/TLST-KDTM.	*Đông A, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC THỤ LÝ VỤ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kính gửi:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A – Thành phố Hà Nội.
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

- Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại BMV.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Đông A, Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 43/2023/TLST-KDTM về việc: "Tranh chấp hợp đồng kinh tế", giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Chi Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại BMV

Địa chỉ: Thôn B, xã Kim C, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành C - Giám đốc.

**** Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu giải quyết:***

- Buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua hàng là 483.263.000 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 22/01/2015 đến ngày 22/03/2023 là: 563.518.311 đồng. Tổng số là: 1.046.844.311 đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm mười một đồng).

- Ngoài số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, yêu cầu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại BMV phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/3/2023 đến khi trả hết nợ.

Vụ án thụ lý theo thủ tục thông thường.

**** Tài liệu, chứng cứ người khởi kiện nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm:***

- Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT/BMV ngày 01/6/2013 kèm theo biên bản đối chiếu công nợ, bảng kê chi tiết tiền hàng, thông báo nợ tiền cung cấp hàng hóa, hóa đơn bán hàng (bản photo + bản sao)

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 01C-8002818 (bản sao).

- Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/BMV ngày 01/6/2014 (bản sao).

- Thẻ luật sư Hoàng Văn H1 (bản sao).

- Quyết định phân công Luật sư tham gia bào chữa số 22/2023/QĐ-HNLAW ngày 18/4/2023 (bản sao).

- Giấy ủy quyền, đơn mời luật sư (bản photo).

- Đơn đề nghị không hòa giải tại trung tâm hòa giải.

Căn cứ vào Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Đông A thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A và những người có tên trên được biết.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này, người được thông báo phải nộp (gửi) cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trường hợp cần gia hạn thì phải có đơn xin gia hạn gửi Toà án nêu rõ lý do để Toà án xem xét. Hết thời hạn này, người được thông báo không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện thì Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:** **THẨM PHÁN**

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án.